

Tuần 2

Ngày soạn : 26/08/20..

Tiết 3

Ngày giảng: 30/08/20..

LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Củng cố các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.

2. Kỹ năng:

Biết vận dụng các hệ thức trên để giải toán và giải quyết một số bài toán thực tế.

Rèn luyện khả năng tính toán

3. Thái độ:

Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn trong tính toán, học tập nghiêm túc, tích cực.

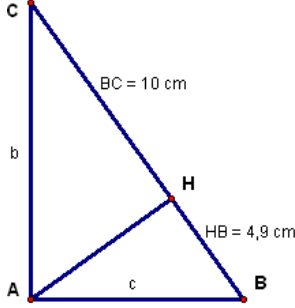
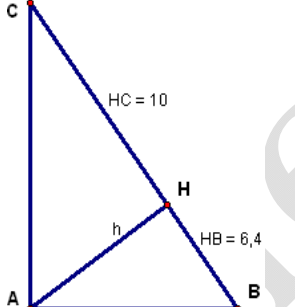
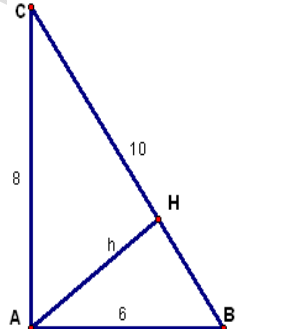
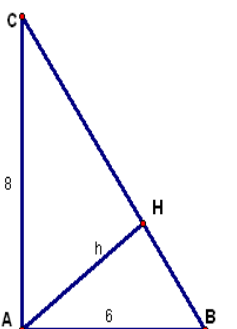
II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

- GV: Giáo án, bảng phụ, thước thẳng, compa, êke.
- HS: Chuẩn bị bảng nhóm, thước thẳng, compa, êke.

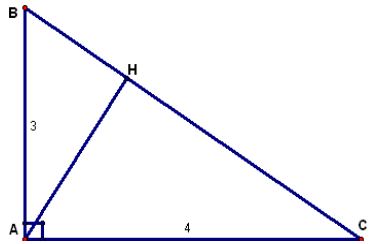
III. Tiến trình dạy học:

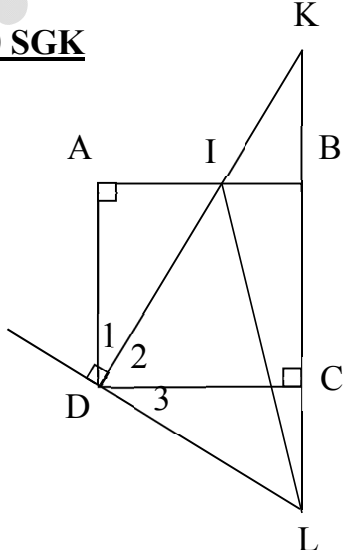
Hoạt động 1 (1 phút) : Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số lớp

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh	Nội dung
<i>Hoạt động 2 (8phút): Kiểm tra bài cũ</i>		
- GV treo bảng phụ, gọi bốn học sinh cùng lúc hoàn thành yêu cầu của bài. ? Hãy viết hệ thức và tính các đại lượng trong các hình trên?	- Quan sát hình vẽ trên bảng phụ - Trình bày bài giải <i>Hình 1:</i> $b^2 = ab \cdot c$; $c^2 = ac$ $c = \sqrt{4,9(10 + 4,9)} = 8.545$	<u>Hình 1</u> <u>Hình 2</u>

<p>- Nhận xét kết quả làm bài của các học sinh.</p>	<p>$b = \sqrt{10(10+4,9)} = 12,207$</p> <p><u>Hình 2:</u> $h^2 = b \cdot c'$</p> <p>$h = \sqrt{10 \cdot 6,4} = 8$</p> <p><u>Hình 3:</u> $ah = bc$</p> <p>$h = \frac{6 \cdot 8}{10} = 4,8$</p> <p><u>Hình 4:</u> $\frac{1}{h^2} = \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2}$</p> <p>$h = \sqrt{\frac{6^2 + 8^2}{6 \cdot 8}} = 1,443$</p>	  <p style="text-align: center;">Hình 3 Hình 4</p>  
---	--	--

Hoạt động 3 (34 phút): Bài tập

<p>- Gọi một học sinh đọc đề bài và vẽ hình.</p> <p>? Để tính AH ta làm như thế nào?</p>	<p>- Vẽ hình</p> <p>- Áp dụng theo định lí 4.</p> <p>- Trình bày cách tính</p> <p>Áp dụng định lí 4 ta có:</p> $h^2 = \frac{b^2 c^2}{b^2 + c^2} = \frac{9 \cdot 16}{9 + 16} = 5,76$ <p>$\Rightarrow h = \sqrt{5,76} = 2,4$</p>	<p style="text-align: center;">Bài 5/tr60 SGK</p> 
---	---	---

<p>? Tính BH?</p> <p>? Tương tự cho CH?</p> <p>- Gọi một học sinh đọc nội dung bài 4/tr70 SGK?</p> <p>? Muốn chứng minh $\triangle DIL$ là tam giác cân ta cần chứng minh những gì?</p>	<p>- Áp dụng định lí 2:</p> $BH = \frac{AH^2}{AB} = \frac{5.76}{.3} = 1.92$ $CH = \frac{AH^2}{AC} = \frac{5.76}{4} = 1.44$ <p>- Đọc đề và vẽ hình</p> <p>- Cạnh $DI = DL$ hoặc $\hat{I} = \hat{L}$</p> <p>- Chứng minh $DI = DL$ vì có thể gán chúng vào hai tam giác bằng nhau.</p> <p>- Trình bày bài chứng minh.</p>	<p>Tính AH; BH; HC?</p> <p>-- Giải --</p> <p>Áp dụng định lí 4 ta có:</p> $h^2 = \frac{b^2 c^2}{b^2 + c^2} = \frac{9.16}{9+16} = 5.76$ $\Rightarrow h = \sqrt{5.76} = 2.4$ <p>Áp dụng định lí 2 ta có:</p> $BH = \frac{AH^2}{AB} = \frac{5.76}{.3} = 1.92$ $CH = \frac{AH^2}{AC} = \frac{5.76}{4} = 1.44$ <p><u>Bài 4/tr70 SGK</u></p>  <p>-- Giải --</p>
---	---	--

<p>❓ Theo em chứng minh theo cách nào là hợp lí? Vì sao?</p> <p>❗ Trình bày phần chứng minh?</p> <p>❓ Muốn chứng minh $\frac{1}{DI^2} + \frac{1}{DK^2}$ không đổi thì ta làm sao?</p> <p>❗ Trình bày bài giải?</p>	<p>- Bằng một yếu tố không đổi.</p> <p>- Trình bày bằng</p>	<p>a) <i>Chứng minh ΔDIL là tam giác cân</i></p> <p>Xét ΔDAI và ΔLCD ta có:</p> $\widehat{C} = \widehat{A} = 1v; AD = DC; \widehat{ADI} = \widehat{DLC}$ <p>Do đó, $\Delta DAI = \Delta LCD$ (g-c-g)</p> <p>Suy ra: $DI = DL$ (hai cạnh tương ứng)</p> <p>Trong ΔDIL có $DI = DL$ nên cân tại D.</p> <p>b) $\frac{1}{DI^2} + \frac{1}{DK^2}$ <i>không đổi</i></p> <p>Trong ΔLDK có DC là đường cao. Áp dụng định lí 4 ta có:</p> $\frac{1}{DC^2} = \frac{1}{DL^2} + \frac{1}{DK^2}$ <p>mà $DI = DL$ và DC là cạnh hình vuông ABCD nên $\frac{1}{DC^2}$ không đổi.</p> <p>Vậy: $\frac{1}{DI^2} + \frac{1}{DK^2} = \frac{1}{DC^2}$ không đổi.</p>
--	--	---

Hoạt động 4 (2 phút): Hướng dẫn về nhà

- Bài tập về nhà: 6; 7; 8; trang 70 SGK
- Chuẩn bị bài phần luyện tập

Tuần 2

Ngày soạn : 26/08/20..

Tiết 4

Ngày giảng: 30/08/20..

LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Củng cố các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.

2. Kỹ năng:

Biết vận dụng các hệ thức trên để giải toán và giải quyết một số bài toán thực tế.

Rèn luyện khả năng tính toán

3. Thái độ:

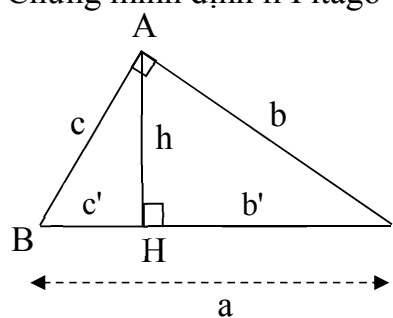
Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn trong tính toán, học tập nghiêm túc, tích cực.

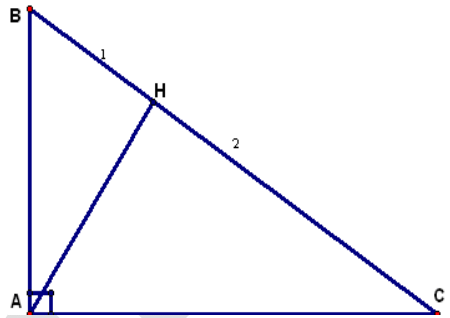
II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

- GV: Giáo án, bảng phụ, thước thẳng, compa, êke.
- HS: Chuẩn bị bảng nhóm, thước thẳng, compa, êke.

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1 (1 phút) : Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số lớp

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh	Nội dung
<i>Hoạt động 2 (7 phút): Kiểm tra bài cũ</i>		
<p>❓ Nêu các hệ thức liên quan về cạnh và đường cao trong Δ tam giác vuông?</p>	<p>- Các hệ thức</p> <p><u>Hệ thức 1:</u> $b^2 = ab'$; $c^2 = ac'$</p> <p><u>Hệ thức 2:</u> $h^2 = b'c'$</p> <p><u>Hệ thức 3:</u> $ah = bc$</p> <p><u>Hệ thức 4:</u> $\frac{1}{h^2} = \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2}$</p>	<p>- Chứng minh định lí Pitago</p> 

<p>? Áp dụng chứng minh định lí Pytago?</p>		<p>Ta có: $a = b' + c'$ do đó: $b^2 + c^2 = a(b'+c') = a.a = a^2$</p>
<p>Hoạt động 3 (35 phút) : Bài tập</p>		
<p>- Gọi một học sinh đọc đề bài và vẽ hình.</p> <p>? Để tính AH ta làm như thế nào?</p> <p>? Hãy tính AB và AC?</p> <p>- Giáo viên treo bảng phụ có chuẩn bị trước hình 8 và 9 trong SGK.</p>	<p>- Vẽ hình</p> <p>- Áp dụng định lí 2 $AH = \sqrt{BH \cdot CH} = \sqrt{1 \cdot 2} = 1.41$</p> <p>Áp dụng định lí Pitago ta có: $AB = \sqrt{BH^2 + AH^2}$ $= \sqrt{1^2 + 2} = \sqrt{3}$ $AC = \sqrt{CH^2 + AH^2}$ $= \sqrt{2^2 + 2} = \sqrt{6}$</p> <p>- Quan sát hình trên bảng phụ.</p> <p>- Theo dõi phần “Có thể em chưa biết”.</p>	<p><u>Bài 6/tr69 SGK</u></p>  <p>-- Giải --</p> <p>Áp dụng định lí 2 ta có: $AH = \sqrt{BH \cdot CH} = \sqrt{1 \cdot 2} = 1.41$</p> <p>Áp dụng định lí Pitago ta có: $AB = \sqrt{BH^2 + AH^2} = \sqrt{1^2 + 2} = \sqrt{3}$ $AC = \sqrt{CH^2 + AH^2} = \sqrt{2^2 + 2} = \sqrt{6}$</p> <p><u>Bài 7/tr70 SGK</u></p>

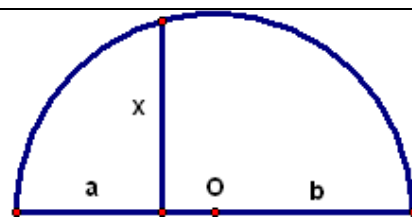
Yêu cầu một học sinh đọc phần “Có thể em chưa biết” SGK trang 68 và yêu cầu đề bài.

2 Chia lớp thành bốn nhóm thực hiện thảo luận để hoàn thành bài tập?

- Gọi các nhóm trình bày nội dung bài giải.

- Thực hiện nhóm

- Trình bày bài giải



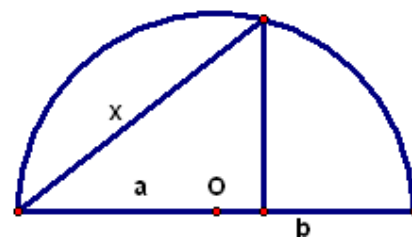
Hình 8

-- Giải --

Hình 8

Trong ΔABC có trung tuyến AO ứng với cạnh huyền BC bằng một nửa cạnh huyền nên ΔABC vuông tại A .

Ta có: $AH^2 = BH \cdot CH$ hay $x^2 = ab$.



Hình 9

Hình 9

Trong ΔDEF có đường trung tuyến DO ứng với cạnh huyền EF bằng một nửa cạnh huyền nên ΔDEF vuông tại D .

Vậy: $DE^2 = EI \cdot EF$ hay $x^2 = ab$

Hoạt động 4 (2 phút) : Hướng dẫn về nhà		
<ul style="list-style-type: none">- Ôn lại bài cũ, xem lại các bài tập đã giải- Chuẩn bị §2. <i>Tỉ số lượng giác của góc nhọn</i>		